Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

2081 *20*

20

- Kinh phí:

+ Thùng xử lý rác hữu cơ: 650.000 đ/thùng

+ Chế phẩm sử dụng: Chế phẩm EMIC - Công ty Cổ phần công nghệ vi sinh và môi trường. Đơn giá: 20.000 đ/gói 200g; xử lý được 500 kg rác.

- Quy trình xử lý:

- Các nguồn thải phát sinh:

+ Nước rỉ từ quá trình ủ rác hữu cơ được đựng trong chậu đặt dưới đáy thùng, sau đó được sử dụng để tưới trực tiếp cho cây trồng hoặc tưới lại vào rác thải hữu cơ trong thùng để đẩy nhanh quá trình phân huỷ rác.

+ Mùi hôi của rác được xử lý triệt để bằng cách sử dụng chế phẩm vi sinh EMIC tưới đều lên bề mặt rác hữu cơ trong thùng.

- Sản phẩm thu được: Phân hữu cơ đã được ủ có thể sử dụng ngay để bón cho cây trồng.

1.3. Ưu điểm

- Xử lý tương đối triệt để đối với các loại rác hữu cơ dễ phân hủy, rác sau xử lý được phân hủy có dạng mùn, không mùi sử dụng tốt cho trồng cây.

- Thùng chứa có nắp đậy, tránh phát sinh mùi ra khu vực xung quanh; thiết kế thùng giúp lấy phân mùn để sử dụng tương đối thuận tiện.

Hình ảnh mô hình xử lý rác thải hữu cơ tại xã Hải Lý, huyện Hải Hậu

1.4. Hạn chế

- Lượng rác được xử lý với khối lượng nhỏ chỉ đủ phục vụ cho hộ quy mô nhỏ, chưa phù hợp đối với các hộ có mục đích sử dụng phân vi sinh để trồng cây với quy mô lớn.

- Kinh phí ban đầu để mua thùng chứa rác tương đối lớn.

2. Mô hình: Hố rác hữu cơ di động tại hộ gia đình

Mô hình hố rác di động là giải pháp xử lý rác ngay tại các hộ gia đình, với kinh phí thấp, dễ thực hiện và rất an toàn cho môi trường

2.1. Trang thiết bị

Nắp đậy có thể là vật liệu composite không phân huỷ trong môi trường ẩm hoặc bằng nhựa cứng, tôn gò.

2.2. Kinh phí

- Nắp đậy tùy vào vật liệu có kinh phí khác nhau, nhưng ở mức thấp.

- Chế phẩm sinh học có giá hơn 20.000 đồng/gói.

2.3. Quy trình xử lý

- Đào hố đất hình vuông sâu 1,2 - 1,5 m, trên có nắp đậy với chất liệu sử dụng có thể là vật liệu composite không phân huỷ trong môi trường ẩm hoặc bằng nhựa cứng nắp hố rác di động có thể sử dụng được rất nhiều năm.

Hố rác di động tại hộ gia đình

- Đổ rác và đậy nắp thường xuyên để tránh mưa và ruồi muỗi. Mỗi lớp rác có độ dày 10 - 20 cm, sau đó tưới một lớp chế phẩm vi sinh để khử mùi và kích thích quá trình phân hủy.

- Khoảng 20 ngày, lượng rác hữu cơ này sẽ phân hủy thành phân bón hữu cơ vi sinh, người dân hoàn toàn có thể sử dụng vào sản xuất nông nghiệp.

- Các hố rác sau khi đã chứa đầy phần nắp sẽ được di dời sang hố đào khác còn hố rác sẽ được lấp đất lại. Cứ như vậy nắp hố rác này có thể di chuyển khắp vườn và sử dụng được nhiều lần.

2.4. Những điểm cần lưu ý khi thực hiện hố rác di động tại gia đình

Tránh nước xâm nhập vào trong hố rác (nước mưa…); tránh đào hố gần mạch nước ngầm; chỉ cần hố đủ rộng và không quá sâu; tuy lượng khí sinh ra trong quá trình ủ rác là không nhiều nhưng khi mở nắp hố cần tránh đứng trực diện với miệng hố và nên mang khẩu trang.

2.5. Ưu điểm

- Nắp hố rác di động cho vùng nông thôn rất đơn giản, kinh phí thấp và dễ sử dụng, mang lại nhiều hiệu quả thiết thực cho người dân nông thôn. Giải quyết tại chỗ rác thải sinh hoạt hữu cơ dễ phân hủy của các hộ gia đình, giữ gìn vệ sinh môi trường ngay tại từng hộ gia đình.

- Đơn giản, dễ thực hiện.

- Giúp giảm thiểu ô nhiễm không khí (mùi rác phân hủy); đặc biệt sau khoảng 20 - 25 ngày các hộ gia đình có thể trực tiếp sử dụng làm hố trồng cây hoặc dùng rác phân hủy để bón cho cây trồng.

- Giúp giảm tải cho khu xử lý rác thải tập trung của địa phương, góp phần tạo cảnh quan sạch đẹp nơi hộ gia đình đang sinh sống, cải thiện bộ mặt nông thôn.

2.6. Hạn chế

Thực hiện được ở các hộ gia đình có diện tích vườn rộng; không phù hợp với khu vực đất chật người đông.

3. Mô hình thu gom, phân loại thành 2 loại

3.1. Rác thải được phân loại tại hộ gia đình thành 2 loại

- Rác thải hữu cơ dễ phân hủy: Là các loại rác dễ bị thối rữa trong điều kiện tự nhiên sinh ra mùi hôi thối như: Các loại thức ăn thừa, thức ăn hư hỏng (rau, cá chết…) vỏ trái cây, các chất thải từ làm bếp.

- Các loại chất thải rắn khác (Rác vô cơ): Được chia làm 2 loại là chất thải rắn có thể tái chế và không tái chế. Chất thải rắn có thể tái chế là các loại rác có thể sử dụng lại nhiều lần hoặc chế biến lại như giấy, các - tông, kim loại (khung sắt, máy móc hỏng…), các loại nhựa… Chất thải rắn không thể tái chế là chất thải rắn vô cơ không có khả năng sử dụng hoặc chế biến lại như giấy ăn đã sử dụng, thuỷ tinh (bóng đèn, ly vỡ…), quần áo cũ, xỉ than, xương động vật, vỏ trứng…

3.2. Trang thiết bị

Mỗi gia đình trang bị 2 thùng rác hữu cơ (màu xanh) và vô cơ (màu vàng).

3.3. Kinh phí

Đầu tư chi phí ban đầu cho việc mua thùng chứa rác đối với 2 loại rác hữu cơ và vô cơ.

3.4. Quy trình thực hiện

Rác thải được phân loại tại hộ gia đình thành 2 loại; đối với rác hữu cơ được các hộ gia đình tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, cho cá; một phần làm phân hữu cơ. Phần rác thải vô cơ không thể tái chế, tái sử dụng được vận chuyển xử lý tại khu xử lý rác thải tập trung.

3.5. Ưu điểm

- Giảm tải lượng rác thải vận chuyển, xử lý tại khu xử lý rác thải tập trung.
- Tận dụng được các loại rác thải hữu cơ cho chăn nuôi tại hộ gia đình.
- Nâng cao nhận thức người dân trong phân loại rác thải tại nguồn.

3.6. Hạn chế

Rác thải sau khi thu gom từ các hộ không được phân loại tiếp.

Phụ lục VI

TỔNG HỢP PHÂN LOẠI CTRSH TẠI NGUỒN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Đề án đã được phê duyệt tại Quyết định số: 2081*/QĐ-UBND ngày 20 /8/2020 của UBND tỉnh Nam Định)*

TT	Phường/Xã	Số lượng thôn/xóm thực hiện phân loại	Tổng số thôn/xóm của xã	Số hộ gia đình thực hiện phân loại	Tổng số hộ của xã
I. Huyện Xuân Trường					
1	Thọ Nghiệp	2	23	330	3.305
2	Xuân Hòa	2	18	290	1.873
3	Xuân Kiên	2	13	519	2.236
II. Huyện Giao Thủy					
1	Bạch Long	1	11	50	1.916
2	Giao Hà	1	12	100	2.344
3	Ngô Đồng	1	8	50	1.407
4	Giao Phong	1	11		
5	Giao Hải	2	18		
III. Nghĩa Hưng					
1	Nghĩa Minh	1	9	260	1.315
IV. Huyện Hải Hậu					
1	Hải Lý	1	18	112	2.394
V. Huyện Nam Trực					
1	Nam Hùng	1	18	34	1.757
2	Nam Hồng	1	21	35	2.308
3	Đồng Sơn	1	22	40	3.531
VI. Huyện Vụ Bản					
1	Hợp Hưng	3	14	90	1.715
2	Minh Tân	1	7	200	1.291
3	Liên Minh	1	15	93	2.450
4	Hiển Khánh	1	11	118	2.190
VII. Thành phố Nam Định					
	Chưa thực hiện				
VIII. Huyện Ý Yên					
1	Yên Cường	1	25	30	2.322
IX. Huyện Mỹ Lộc					
1	Mỹ Tân	2	18	27	2614
X. Huyện Trực Ninh					
1	Trực Hùng	1	25	198	3.688
2	Trung Đông	1	28	168	1131
	Tổng	**28**	**345**	**2.744**	**41.787**

Phụ lục VII

HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH ĐÓNG BÃI CHÔN LẤP CTRSH

(Kèm theo Đề án đã được phê duyệt tại Quyết định số: 2081*/QĐ-UBND ngày 20 /8/2020 của UBND tỉnh Nam Định)*

I. Quy trình đóng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt

1. Việc đóng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt được thực hiện trong các trường hợp sau

- Lượng rác thải sinh hoạt đã được chôn lấp trong bãi chôn lấp đạt dung tích lớn nhất theo khả năng tiếp nhận của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ bãi chôn lấp chất rác thải sinh hoạt không có khả năng tiếp tục vận hành bãi chôn lấp và không có khả năng chuyển giao việc vận hành bãi chôn lấp.

- Đóng bãi chôn lấp chất rác thải sinh hoạt theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Trước 10 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu tiến hành đóng bãi chôn lấp, chủ bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt phải gửi thông báo tới cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh trên địa bàn về thời gian đóng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt để giám sát.

3. Trình tự đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt

a) Đầm nén chặt lượng rác đã chôn lấp tại bãi.

b) Phủ lớp đất trên cùng có hàm lượng sét hoặc lớp vải nhựa HDPE hoặc chất liệu tương đương lớn hơn 30%, đảm bảo độ ẩm tiêu chuẩn và được đầm nén cẩn thận, chiều dày lớn hơn hoặc bằng 50 cm. Độ dốc từ chân đến đỉnh bãi tăng dần từ 3% đến 5%, luôn đảm bảo thoát nước tốt và không trượt lở, sụt lún, sau đó cần tiến hành các hoạt động sau:

- Phủ lớp đệm bằng đất có thành phần phổ biến là cát dày từ 50 - 60 cm.

- Phủ lớp đất trồng (lớp đất thổ nhưỡng) dày từ 20 cm đến 30 cm.

- Trồng cỏ và cây xanh,

c) Bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt có nhiều ô chôn lấp phải tiến hành đóng từng ô chôn lấp rác thải sinh hoạt theo trình tự nêu trên.

d) Đối với rỉ rác phát sinh: Đào các đường rãnh thu gom xung quanh các ô chôn lấp rác dẫn về một hố chứa; lót vải bạt đối với các rãnh và hố chứa nước rỉ rác nhằm tránh nước rỉ rác ngấm vào đất, ảnh hưởng đến nước ngầm; bổ sung các chế phẩm sinh học tại các hố chứa nước rỉ rác.

e) Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày đóng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, chủ bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt phải báo cáo cơ quan phê duyệt/xác nhận hồ sơ pháp lý về môi trường, về hiện trạng của bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt. Báo cáo bao gồm các nội dung sau:

- Tình trạng hoạt động, hiệu quả và khả năng vận hành của tất cả các công trình trong bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt bao gồm: Hệ thống chống thấm của bãi chôn lấp; hệ thống thu gom và xử lý nước rỉ rác; hệ thống quản lý nước mặt,

nước ngầm; hệ thống thu gom khí thải; hệ thống giám sát chất lượng nước ngầm và các công trình bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

- Kết quả quan trắc chất lượng nước thải, chất lượng nước ngầm và khí thải từ bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt ra môi trường.

- Báo cáo việc phục hồi môi trường, cải thiện cảnh quan khu vực bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt và biện pháp kiểm soát ô nhiễm trong những năm tiếp theo.

- Lập bản đồ địa hình của khu vực bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt sau khi đóng bãi.

- Việc đóng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt được xác nhận là hoàn thành khi các thành phần môi trường do hoạt động chôn lấp rác thải sinh hoạt thải ra môi trường đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép.

f) Sau khi đóng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, tiếp tục không cho phép người và súc vật ra, vào tự do, đặc biệt trên đỉnh bãi nơi tập trung khí gas; phải có các biển báo, chỉ dẫn an toàn trong bãi chôn lấp.

II. Tái sử dụng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt

1. Khi quy hoạch sử dụng và thiết kế bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt phải tính đến khả năng tái sử dụng mặt bằng bãi chôn lấp sau khi bãi chôn lấp đóng cửa.

2. Để tái sử dụng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, chủ bãi chôn lấp phải tiến hành khảo sát, đánh giá các yếu tố môi trường có liên quan, nếu đảm bảo mới tiến hành tái sử dụng.

3. Trong thời gian chờ tái sử dụng bãi chôn lấp, chủ bãi chôn lấp phải tiếp tục tiến hành việc xử lý nước rỉ rác, khí thải theo quy định.

4. Sau khi đóng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, chủ bãi chôn lấp có trách nhiệm

- Theo dõi sự biến động của môi trường của bãi chôn lấp.

- Thành lập lại bản đồ địa hình của khu vực bãi chôn lấp.

- Báo cáo đầy đủ về quy trình hoạt động của bãi chôn lấp, đề xuất các biện pháp tích cực kiểm soát môi trường trong những năm tiếp theo.

5. Thực hiện thủ tục bàn giao cho các cơ quan và đơn vị có thẩm quyền tiếp tục quản lý, sử dụng lại mặt bằng của bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt.

6. Khi tái sử dụng, chủ bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt phải tiến hành kiểm tra chặt chẽ các lỗ khoan thu hồi khí gas. Khi áp suất của các lỗ khoan khí không còn chênh lệch với áp suất khí quyển và nồng độ khí gas không lớn hơn 5% mới được phép san ủi lại.